

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty

2. Bà Phạm Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 86/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mỹ N**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ *Bị đơn:* Anh **Lê Tuấn A**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà 69/4, đường N, Thôn 1, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/01/2023 và những lời trình bày của nguyên đơn chị **Lê Thị Mỹ N** thể hiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh **Lê Tuấn A** có thời gian tìm hiểu và quen biết nhau khoảng 05 năm thì tổ chức lễ cưới vào năm 2011. Việc chung sống là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 27/5/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn từ việc anh TA không tôn trọng, xúc phạm chị, ngoài ra anh TA còn ham chơi bài bạc, cá độ bóng đá, đá gà, vay nợ nhiều nơi, nhậu nhẹt say xỉn, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên bất đồng và cãi vã trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm mặc dù gia đình chồng cũng đã khuyên bảo và hàn gắn nhiều lần. Từ tháng 06/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, Chị N và các con ra thuê nhà để ở, còn anh TA sống tại số 69/4 Nguyễn Viết Xuân, Thôn 1, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng không có sự quan tâm, hỏi han gì nhau.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tuấn A.

- Về con chung: Chị N và anh TA có 02 con chung là Lê Tuấn H, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Phương Th, sinh ngày 02/02/2015. Từ khi chị và anh TA sống ly thân cho đến nay con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và lo học hành cũng như đưa đón các con, anh TA chỉ thăm con 02 lần nhưng mỗi lần đến thăm con chị và anh TA lại cãi nhau và anh TA đập phá đồ đạc trong nhà, sau đó anh không hỏi han, quan tâm gì đến các con cũng không chu cấp tiền phụ chi Nuôi con. Khi ly hôn Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cả 02 con chung, không yêu cầu anh TA cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay Chị N đang làm giám đốc của Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại may mặc Bảo Vinh và là Phó giám đốc Công ty TNHH TMDV UCOM Việt Nam, bình quân thu nhập 01 tháng khoảng 30.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, trong quá trình làm việc bị đơn anh Lê Tuấn A trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị N chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại 69/4 đường N, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và sống hạnh phúc nhiều năm. Khoảng 01 năm nay vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt trong sinh hoạt gia đình nhưng Chị N không có thiện trí mong muốn hàn gắn tình cảm mà thường gây gổ với anh vì vậy vợ chồng đã sống ly thân được vài tháng, không ai quan tâm tới ai, anh cũng không có ý muốn hàn gắn tình cảm với Chị N nên khi Chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

-Về con chung: Anh và Chị N có 02 con chung là Lê Tuấn H, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Phương Th, sinh ngày 02/02/2015. Từ khi anh và Chị N sống ly thân thì 02 con chung do Chị N nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng anh vẫn phụ giúp về kinh tế. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H và cháu Th. Hiện nay anh đang làm kinh doanh cho Công ty cổ phần may 26 của gia đình, thu nhập

hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng, thời gian làm việc linh hoạt nên đảm bảo điều kiện chăm sóc các con.

- Về tài sản chung: Anh TA không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh TA xác nhận vợ chồng không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Bị đơn anh Lê Tuấn A được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh về quá trình chung sống giữa Chị N và anh TA cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản không có vi phạm gì.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Chị N về việc ly hôn với anh Lê Tuấn A, giao các con chung là cháu Lê Tuấn H và Lê Phương Th cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng Chị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết;

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số 69/4, đường N, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Tuấn A vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Lê Tuấn A chung sống với nhau từ năm 2011, việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ngày 27/5/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị N trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc anh TA không tôn trọng, thường xúc phạm chị. Ngoài ra, anh TA còn ham chơi bài bạc, cá độ bóng đá, đá gà, vay nợ nhiều nơi, nhậu nhẹt say xỉn, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng trong cuộc sống, cãi vã nhau nên tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm mặc dù gia đình chồng cũng đã khuyên bảo và hàn gắn nhiều lần. Từ tháng 06/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, Chị N và các con ra thuê nhà để ở, còn anh TA sống tại số 69/4 N, Thôn 1, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng không có sự quan tâm, hỏi han gì nhau. Do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh TA. Còn anh TA trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt trong sinh hoạt gia đình khoảng từ năm 2022 nhưng Chị N không có thiện trí mong muốn hàn gắn tình cảm mà thường gây gổ với anh vì vậy vợ chồng đã sống ly thân được vài tháng, không ai quan tâm tới ai, anh cũng không có ý muốn hàn gắn tình cảm với Chị N nên khi Chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy cả Chị N và anh TA đều thừa nhận việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, cả hai không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm, do vậy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mỹ N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Qua lời thừa nhận của Chị N và anh TA và chứng cứ do các bên xuất trình xác định Chị N và anh TA đã có với nhau 02 con chung tên là Lê Tuấn H, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Phương Th, sinh ngày 02/02/2015.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc quyết định giao con chung cho bố hay mẹ nuôi dưỡng phải đảm bảo được sự phát triển bình thường và xuất phát từ quyền lợi của con. Từ khi Chị N và anh TA sống ly thân đến nay cháu H và cháu Th do Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và các cháu phát triển tốt, Chị N có công ăn việc làm và chỗ ở ổn định, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con và cháu H cũng có nguyện vọng được ở với Chị N còn cháu Th có nguyện vọng được ở với cả ba và

mẹ. Đối với yêu cầu nuôi con của anh TA xét thấy anh TA trình bày anh đang làm kinh doanh tại Công ty cổ phần may 26, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng nhưng không cung cấp rõ thông tin về nơi làm việc nên Tòa án không tiến hành xác minh về thu nhập và điều kiện nuôi con của anh TA được. Ngoài ra Tòa án cũng đã thông báo cho anh TA cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con nhưng anh TA không cung cấp. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện nay anh TA không sinh sống tại số 69/4, đường N, Thôn 1, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, anh TA đi đâu, làm gì không ai biết. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con trong việc được chăm sóc, nuôi dưỡng và sự giáo dục phát triển toàn diện sau này của con chung, cần xem xét giao con chung cho Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành là cần thiết. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh TA không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N đối với anh Lê Tuấn A. Xử cho chị Lê Thị Mỹ N và anh Lê Tuấn A được ly hôn.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xử giao con chung là Lê Tuấn H, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Phương Th, sinh ngày 02/02/2015 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh TA cấp dưỡng nuôi con.

“Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005634 ngày 14/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã Đ, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Lê Thị Thanh Nhàn
Xuân Ty**

Hoàng

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

